TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**43**/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/03/2026
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Minh Trung.**

2. Ông **Phạm Văn Tài.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Quốc Tững** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2026/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc: "Xin Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026.

1. Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị T**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Hoàng N**, sinh năm 1992 (có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày như sau:

Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008, chị T và anh N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 2013 nay là xã M, tỉnh An Giang, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và đã có 02 con chung cháu tên Ngô Lưu Hoàn T1, sinh ngày 03 tháng 07 năm 2013 và cháu Ngô Lưu Hoàn T2, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2022. Đến khoảng đầu năm 2025 vợ chồng anh, chị bất đồng quan điểm về cách sống, hay cãi nhau bất nguồn từ việc làm ăn, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn hiện nay chị T không còn tình cảm gì với anh N, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên chị T làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Ngô Hoàng N.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Ngô Lưu Hoàn T1, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và cháu Ngô Lưu Hoàn T2, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2022, chị T yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lưu Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Lưu Thị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Ngô Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa: Tuy nhiên Theo biên bản hoà giải ngày 02 tháng 02 năm 2026 bị đơn anh Ngô Hoàng N trình bày như sau:

Về hôn nhân và con chung tài sản chung, nợ chung anh Ngô Hoàng N thống nhất như lời trình bày của chị T là đúng, về con chung có 02 người con chung như chị T trình bày. Tuy nhiên, chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày nhưng anh cũng đã cố gắng đi kiếm việc làm để phụ giúp chị T, anh vẫn còn thương vợ thương con nên yêu cầu chị T cho cơ hội đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái đến tuổi trưởng thành. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì tùy theo quyết định của chị T, anh không có ý kiến gì. Ngoài ra anh Ngô Hoàng N không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngô Hoàng N và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã M, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

Anh Ngô Hoàng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng. Xét thấy, sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N lấy nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định vợ chồng anh, chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau bất nguồn từ việc làm ăn, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn không thể hàn gắn tình cảm được. Xét thấy, chị T và anh N không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh N tuy không chịu ly hôn, nhưng nếu chị T cương quyết thì anh N cũng không có ý kiến gì. Vì vậy tại phiên Tòa chị T nhất quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Xét về quan hệ nuôi con: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N có 02 con chung cháu Ngô Lưu Hoàn T1, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và cháu Ngô Lưu Hoàn T2, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2022 cháu đang ở chung với chị T, xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T hiện nay cháu T1 và cháu T2 đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, cháu T2 là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu T1 và cháu T2 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Ngô Hoàng N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

[4] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, chị T, anh N có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Lưu Thị Tươi .

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Ngô Hoàng N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N có 02 con chung tên Ngô Lưu Hoàn T1 và cháu Ngô Lưu Hoàn T2.

- Giao chị Lưu Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Lưu Hoàn T1, Ngô Lưu Hoàn T2.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lưu Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Ngô Hoàng N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Lưu Thị T và anh Ngô Hoàng N khai không có. Do đó, khi nào phát sinh sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 300446 ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Theo đó chị T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Ngô Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND An Giang THẨM PHÁN
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Toàn